

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29/2022/HN-ST**

Ngày: 20/4/2022

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nhâm Đức Hùng

2. Bà Nguyễn Hải Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sễn, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST - HNGĐ ngày 05/01/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST - HN ngày 09/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST – HN ngày 30/3/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1968 (*Có mặt*).

* *Bị đơn:* Bà Ong Ngọc D, sinh năm: 1969 (*Vắng mặt lần 2 không có lý do*)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã MB, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

NỘI D VỤ ÁN:

* *Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn Đ trình bày và yêu cầu như sau:*

- *Về hôn nhân:* Ông và bà Ong Ngọc D chung sống với nhau từ năm 1992, trước khi chung sống ông bà có quen biết nhau trước rồi cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi đám cưới, ông bà về sinh sống tại ấp P, xã MB đến khoảng năm 2010 ông Đ bị bệnh tai biến, sau khi ông bệnh thì giữa ông và bà D có phát sinh mâu thuẫn. Bà D bỏ nhà đi và ông bà ly thân với nhau từ đó đến nay không hàn gắn được.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cả hai luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Ông Đ thấy rằng, ông và bà D đã không còn chung sống với nhau hơn 10 năm nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên ông Đ yêu cầu ly hôn với bà Ong Ngọc D.

- *Về con chung*: Ông và bà D có 03 người con chung là Trần Minh Th (sinh năm: 1993), Trần Thị Thanh T (sinh năm: 1994) và Trần Thị Thanh Ng (sinh năm: 2003). Hiện nay, các người con đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên ông không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Đ xác nhận, trong quá trình chung sống giữa ông và bà D không có phát sinh nên không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ong Ngọc D không có trình bày.*

* *Tại phiên tòa:*

- *Ông Đ yêu cầu*: Được ly hôn với bà Ong Ngọc D; 03 người con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bà D*: Vắng mặt.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn Đ và bà Ong Ngọc D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn ông Trần Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Ong Ngọc D là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi ông

Đ khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì và D có nơi cư trú tại ấp P, xã MB, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (*Có xác nhận của chính quyền địa phương*) là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Văn Đ và bà Ong Ngọc D chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền (*UBND xã, phường, thị trấn nơi cả hai cư trú*) nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặc dù ông bà có đủ điều kiện kết hôn và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện.

Hiện nay, ông Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà D thì ông bà vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định (*có nhận của UBND*). Ngoài ra, trong quá trình thụ lý và giải quyết, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đến bà D nhưng bà D không gửi văn bản ghi ý kiến của bà đối với yêu cầu của ông Đ nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đ và bà D.

[3] *Về quan hệ con chung*: Ông Đ xác nhận, ông và bà D có 03 người con chung và hiện nay những người con này đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Đ xác định, không có phát sinh tài sản chung và nợ chung trong thời gian ông và bà D chung sống nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông Đ phải chịu án phí hôn nhân với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn Đ và bà Ong Ngọc D.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Trần Văn Đ chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0000931 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên ông Đ không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Ông Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 20/4/2022*).

Bà D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS H. Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã Mong Thọ B;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh